

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 20-6-2019

V/v Tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Lâm Tới;

Ông Ngô Văn Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quới - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019 về việc "Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Mộng T, sinh năm 1989, cư trú: t15, ấp S, xã T, huyện T, tỉnh A, có mặt;

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1983, cư trú: t15, ấp S, xã T, huyện T, tỉnh A, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ghi ngày 21 tháng 02 năm 2019 và lời khai trong quá trình giải quyết tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Bùi Thị Mộng T trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông B được sự mai mối của người thân và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn, số 56, quyển số 01/2009, ngày 13 tháng 11 năm 2009 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T. Sau khi cưới sống bên chồng tại ấp S, xã T. Đến năm 2013 vợ chồng cùng đi làm công nhân tại Thành phố Hồ Chí Minh, trong thời gian này vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân ông B không tôn trọng và chửi cha mẹ bà T. Từ tháng

5 năm 2018 vợ chồng đã sống ly thân. Thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, bà T yêu cầu ly hôn với ông B.

Về con chung: Có 01 (một) con chung là Nguyễn Thị Ngọc S, sinh ngày 23 tháng 12 năm 2011 hiện tại do bà T nuôi dưỡng. Tại phiên tòa hôm nay bà yêu xin rút lại một phần yêu cầu, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Văn B đều vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

- Ý kiến trình bày của cháu Nguyễn Thị Ngọc S: Nếu cha mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được sống với mẹ Bùi Thị Mộng T.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đúng các nghĩa vụ theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông B có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy về tình cảm giữa bà T và ông B không còn hạnh phúc, cả hai bỏ mặt không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Từ tháng 5 năm 2018 thì bà T và ông B đã sống ly thân. Như vậy, thấy rằng cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được.

+ Về con chung: Có một con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc S, sinh ngày 23 tháng 12 năm 2011. Từ sau khi bà T và ông B không còn chung sống với nhau, con chung đều do bà T nuôi dưỡng. Mặc khác, để đảm bảo điều kiện sinh hoạt, không làm thay đổi cuộc sống và phù hợp với nguyện vọng của cháu Ngọc Sương, cần tiếp tục giao con chung cho bà T nuôi dưỡng. Tại phiên tòa hôm nay, bà T xin rút lại yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung, yêu cầu này phù hợp quy định, do đó về phần cấp dưỡng không xem xét.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 và Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị Mộng T.

Tại phiên tòa hôm nay, ông B vắng mặt. Nguyên đơn bà Bùi Thị Mộng T vẫn giữ nguyên yêu cầu và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm cho Tòa án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bị đơn ông Nguyễn Văn B đã được Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên triệu tập hợp lệ có mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Văn B có đăng ký hộ khẩu và thường trú tại ấp S, xã T, huyện T, tỉnh A. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Bà T và ông B chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận, số 56, quyền số 01/2009, ngày 13 tháng 11 năm 2009 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T theo đúng quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000, nên đây là hôn nhân hợp pháp theo pháp luật. Xét thấy về tình cảm bà T và ông B không còn hạnh phúc, từ tháng 5 năm 2018 cả hai không còn quan tâm, chung sống với nhau, theo kết quả xác minh ngày 09 tháng 5 năm 2019 tại ấp S, xã T xác định “...*khoảng năm 2014 bà T và ông B đi Thành phố làm, từ năm năm 2018 đến nay chỉ ông B về nhà một mình mà không thấy bà T....*”. Như vậy, thấy rằng cuộc sống hôn nhân giữa bà T và ông B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt, nên Hội đồng xét xử thấy rằng bà Bùi Thị Mộng T xin ly hôn là có căn cứ.

Về con chung: Có một (01) con chung tên Nguyễn Thị Ngọc S, sinh ngày 23 tháng 12 năm 2011. Xét về yêu cầu thấy rằng, từ sau khi không còn chung sống, con chung đều do bà T nuôi dưỡng, đến nay cháu Ngọc Sương đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng được sống với mẹ, nên khi xem xét giao con chung cũng xem xét đến nguyện vọng của con. Do đó, cần giao con chung cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng và phù hợp pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Về cấp dưỡng nuôi con:

Theo đơn khởi kiện bà T có yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, tại phiên tòa hôm nay bà rút lại yêu cầu này. Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu này phù hợp pháp luật, nên đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện này của bà T. Bà Bùi Thị Mộng T có quyền khởi kiện lại yêu cầu ông Nguyễn Văn B cấp dưỡng nuôi con chung đến khi đủ 18 tuổi bằng vụ án khác.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Do đó, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

[3] Về án phí: Bà Bùi Thị Mộng T khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự hôn nhân sơ thẩm theo mức không giá ngạch. Ông Nguyễn Văn B không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 219; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Mộng T đối với ông Nguyễn Văn B về yêu cầu chi phí cấp dưỡng nuôi con chung.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Mộng T xin ly hôn với ông Nguyễn Văn B.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Bùi Thị Mộng T và ông Nguyễn Văn B.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Nguyễn Thị Ngọc S, sinh ngày 23 tháng 12 năm 2011 cho bà Bùi Thị Mộng T trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ông Nguyễn Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Bùi Thị Mộng T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Nguyễn Văn B quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Bùi Thị Mộng T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0014604 ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên. Bà T đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 56, quyển số 01/2009, ngày 13 tháng 11 năm 2009 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh A không còn giá trị pháp lý.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

*** Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND h.Tĩnh Biên;
- Chi cục THADS h.TB;
- Các đương sự;
- UBND xã Thới Sơn;
- Lưu HS & VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Ngọc Mỹ